

LỜI GIỚI THIỆU

“*Paritta*” có nghĩa là khi có sự nguy hiểm tại hoạ đang xảy ra thì sẽ hộ trì, bảo vệ làm cho nó chóng tiêu tan; và hộ trì, ngăn ngừa không cho phát sanh lên những sự nguy hiểm tai hoạ sẽ xảy ra. Với ý nghĩa đó nên gọi những bài kinh *Paritta* là “những bài Kinh Hộ Trì”. Tuy vậy, khi nào nghe, tụng *Paritta* đều làm tiêu tan và ngăn ngừa được sự nguy hiểm và tai hoạ hay sao? Do đó:

Kammam ceva kileso ca, asaddahanā cātime;

Sace atthi sunantamhi, parittam tam na rakkhati.

Người nghe kinh *Paritta*, muốn kinh *Paritta* hộ trì bảo vệ mình:

1. Nếu người nào phạm ngũ nghịch đại tội như: giết cha, giết mẹ, giết bậc Thánh Á-rá-hán, làm thân Phật chảy máu và chia rẽ Tăng thì kinh *Paritta* không hộ trì, bảo vệ người ấy được.

2. Hoặc nếu người nào là người nghe kinh *Paritta* mà lại có tà kiến cố định: không tin nhân quả, không tin kiếp trước kiếp sau, tin rằng chết rồi là hết, không tin sanh tử luân hồi... thì kinh *Paritta* cũng không hộ trì, bảo vệ người ấy được.

3. Và ngoài ra dành rằng nghe thì có nghe kinh *Paritta* nhiều, nhưng không tin vào năng lực của kinh *Paritta*. Và cũng chính vì không tin năng lực của kinh *Paritta* nên kinh *Paritta* cũng không hộ trì, bảo vệ người nghe ấy được.

(*Pāthika-aṭṭhakathā Āṭānāṭiyasutta*)

Vì vậy, để sự nghe kinh Paritta có năng lực hộ trì và ngăn ngừa những sự sơ hãi, tại hoạ, nguy hiểm thì đối với người nghe kinh Paritta phải không phạm vào ngũ nghịch đại tội, không có tà kiến cố định mà có chánh kiến về nghiệp và quả của nghiệp và nhất là tin tưởng vào năng lực của kinh Paritta. Đó là 3 nguyên nhân chính để người nghe kinh Paritta có hiệu nghiệm, nghĩa là thành tựu được nguyện vọng mong ước của mình khi nghe kinh Paritta của Đức Phật.

*Pālikkharām anāsetvā, atthām jāniya sādhukām;
Anuddayām karitvāna, bhaṇe parittamuttamām.*

Đối với người tụng kinh Paritta thì:

1. Phải biết đọc, ngắt đúng và rõ ràng từng từ, từng chữ, từng câu pāli.
2. Phải có sự hiểu biết nhất định về ý nghĩa của bài kinh, bài kệ, hoặc câu kinh, câu kệ mà mình đang tụng đọc.
3. Phải biết đặt để, tác ý hướng tâm bi – thương xót (karuṇā), tâm từ – mong muốn sự lợi ích (mettā) lên trên, đến người đang nghe kinh Paritta.

(Milindapañhā)

Như vậy, đối với người đọc tụng cũng như đối với người nghe phải có đầy đủ các nguyên nhân, các yếu tố trên thì kinh Paritta này mới có thể hộ trì bảo vệ tuỳ theo những điều tai hoạ nguy hiểm đang và sẽ xảy ra.

Vì vậy, khi đọc tụng kinh Paritta người đọc tụng ngoài phải có năng lực đọc rõ ràng từ, chữ, câu và hiểu ý nghĩa của

bài kinh, bài kệ, câu kinh, câu kệ ra, còn phải có tâm bi, tâm từ thương xót, té độ đến người nghe kinh nữa.

Khi nghe kinh cũng vậy, người nghe ngoài sự không phạm các lỗi làm lớn và có chánh kiến ra, còn phải có sự tin tưởng vững chắc nơi năng lực của các bài kinh Paritta. Nếu được như vậy thì kinh Paritta này sẽ hộ trì bảo vệ chúng ta trong tất cả mọi thời gian, mọi nơi chốn.

(Phỏng theo Payeikgyi... của Ngài Sayadaw Janakābhivamsa)

Với tâm từ. Sự Hộ Giúp

BẢNG CHỮ CÁI PĀLI

1- Nguyên âm:

a, ā, i, ī, u, ū, e, o

Gồm 2 loại: + Trường âm (gồm 5 chữ cái):

ā, ī, ū, e, o

+ Đoản âm (gồm 3 chữ cái): a, i, u

2- Phụ âm:

Phụ âm chia thành 2 nhóm:

+ Thuộc nhóm (gồm 25 ký tự)

Nhóm	1	2	3	4	5
Nhóm ka	ka	kha	ga	gha	ṅ
Nhóm ca	ca	cha	ja	jha	ñā
Nhóm ṭa	ṭa	ṭha	ḍa	ḍha	ṇa
Nhóm ta	ta	tha	da	dha	na
Nhóm pa	pa	pha	ba	bha	ma

+ Không thuộc nhóm (gồm 8 ký tự):

ya, ra, la, va, sa, ha, ḥa, ḡa.

PHẬN SỰ HẰNG NGÀY CỦA NGƯỜI CON PHẬT

ĐÁNH LỄ TAM BẢO

Buddham pūjemi. (Lạy)

Con xin thành kính đánh lễ cúng dường Đức Phật.

Dhammam pūjemi. (Lạy)

Con xin thành kính đánh lễ cúng dường Đức Pháp.

Samgham pūjemi. (Lạy)

Con xin thành kính đánh lễ cúng dường Đức Tăng.

LỜI SÁM HỐI

Okāsa Okāsa Okāsa!

*Kāyakamma vācīkamma manokamma sabbadosa, vì mong
muốn tránh khỏi, tất cả những lỗi lầm, do thân nghiệp hành
động, do khẩu nghiệp nói năng, do ý nghiệp suy nghĩ, đã
phạm đến Tam Bảo: Đức Phật Bảo cao thượng, Đức Pháp
Bảo cao thượng, Đức Tăng Bảo cao thượng; đến cha mẹ, thầy
tổ.... Buddharatana, Dhammaratana, Samgharatana, con
thành kính đánh lễ, ngôi Tam Bảo cao thượng, cùng cha mẹ
thầy tổ, lần thứ nhì - thứ ba. Xin nǎm bắc ân đức, cao thượng
không gì bằng, nhận biết sự sám hối, những lỗi lầm của con.*

*Do thành tâm sám hối, với đức tin trong sạch, thiện tâm
hợp trí tuệ, cầu mong con tránh khỏi: Sanh trong bốn cõi khổ,
tránh khỏi ba nạn tai, tâm trưởng hợp bất lợi, nǎm kẻ thù phá
hoại, bốn cảnh không hợp thời, nǎm bất hạnh kiếp người,
trong tất cả mọi thời, mọi kiếp sống luân hồi, khi đã tránh*

khỏi rồi, mong con sớm chứng ngộ: chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Tứ Thánh Đạo, Tứ Thánh Quả-Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt tham ái, giải thoát khổ tử sinh, luân hồi trong tam giới.

XIN THỢ PHÉP QUY Y TAM BẢO VÀ NGŨ GIỚI

Aham Bhante, tisaranena saha, pañcasīlam dhammam yācāmi, anuggaham katvā, sīlam detha me, Bhante.

Dutiyampi, aham Bhante, tisaranena saha, pañcasīlam dhammam yācāmi, anuggaham katvā, sīlam detha me, Bhante.

Tatiyampi, aham Bhante, tisaranena saha, pañcasīlam dhammam yācāmi, anuggaham katvā, sīlam detha me, Bhante.

(Yamaham vadāmi, tam vadehi).

(Āma Bhante).

Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. (3 lần)

THỢ PHÉP QUY Y TAM BẢO

Buddham saraṇam gacchāmi.

Dhammam saraṇam gacchāmi.

Samgham saraṇam gacchāmi.

Dutiyampi Buddham saraṇam gacchāmi.

Dutiyampi Dhammam saraṇam gacchāmi.

Dutiyampi Samgham saraṇam gacchāmi.

Tatiyampi Buddham saraṇam gacchāmi.

Tatiyampi Dhammam saraṇam gacchāmi.

Tatiyampi Samgham saraṇam gacchāmi.

(*Tisaranagamanam paripuṇṇam*).

(Āma Bhante).

NGŨ GIỚI

1- *Pāṇatipātā veramaṇisikkhāpadam samādiyāmi.*

2- *Adinnādānā veramaṇisikkhāpadam samādiyāmi.*

3- *Kāmesumicchācārā veramaṇisikkhāpadam samādiyāmi.*

4- *Musāvādā veramaṇisikkhāpadam samādiyāmi.*

5- *Surāmerayamajjappamādaṭṭhānā veramaṇisikkhāpadam samādiyāmi.*

(*Tisaranena saha pañcasīlam dhammam sādhukam katvā appamādena sampādetha*).

(Āma Bhante).

Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa (3 lần)

ĐÁNH LỄ ÂN ĐỨC TAM BẢO

*Itipi so Bhagavā Arahaṁ, Sammāsambuddho,
Vijjācaranāsampanno, Sugato, Lokavidū,
Anuttaro Purisadammasārathi,
Satthā devamanussānam, Buddho, Bhagavā.*

*Evaṁ navahi guṇehi, lokamhi kittibyāpitam;
Atulam dhammarājānam, vandāmi tīhi sādaram. (Lay)*

*Svākkhāto Bhagavatā Dhammo,
Sandīṭhiko, Akāliko, Ehipassiko,
Opaneyyiko, Paccattam veditabbo viññūhi.*

*Iccevaṁ chahi guṇehi, pākataṁ jinapūjitam;
Sampattidāyakam dhammaṁ, vandāmi tīhi sādaram. (Lay)*

*Suppaṭipanno Bhagavato Sāvakasamgho,
Ujuppaṭipanno Bhagavato Sāvakasamgho,
Ñāyappaṭipanno Bhagavato Sāvakasamgho,
Sāmīcippaṭipanno Bhagavato Sāvakasamgho,
Yadidam cattāri purisayugāni, aṭṭha purisapuggalā.
Esa Bhagavato Sāvakasamgho,
Āhuneyyo, Pāhuneyyo, Dakkhineyyo,
Añjalikaraṇīyo, Anuttaram puññakkhettam lokassa.*

*Evaṁ navahi guṇehi, lokamhi vissutam gaṇam;
Sāsanam ciradhātānam, vandāmi tīhi sādaram. (Lay)*

*** **GHI CHÚ:** *Phận sự hằng ngày của người con Phật, Sư chỉ nêu ra bài kinh Mettā căn bản để những người con Phật làm phận sự của mình đến đức Phật, đến Tam bảo trong thời gian khoảng 30 phút trước khi hành thiền hoặc đi ngủ, đi làm việc. Những người con Phật nào có nhiều thời gian hơn thì có thể đọc tụng thêm những bài kinh khác trong 11 bài kinh Paritta.*

MAHĀPARITTAPĀLI

THỈNH CHÚ THIỀN

1. Samantā cakkavālesu, atrāgacchantu devatā;
Saddhammam munirājassa, suṇantu saggamokkhadam.
2. Dhammassavanakālo ayaṁ bhaddantā. (3 lần)
3. Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. (3 lần)
4. Ye santā santacittā, tisaranasaranā, ettha lokantarevā;
Bhummābhummā ca devā, gunagaṇagahaṇa-byāvaṭā sabbakālam;
Ete āyantu devā, varakanakamaye, merurāje vasanto;
Santo santosahetum, munivaravacanam, sotumaggam samaggā.
5. Sabbesu cakkavālesu, yakkhā devā ca brahmano;
Yam amhehi kataṁ puññam, sabbasampattisādhakam.
6. Sabbe tam anumoditvā, samaggā sāsane ratā;

- Pamādarahitā hontu, ārakkhāsu visesato;
7. Sāsanassa ca lokassa, vuḍḍhī bhavatu sabbadā;
Sāsanampi ca lokañca, devā rakkhantu sabbadā.
8. Saddhim hontu sukhī sabbe, parivārehi attano;
Anīghā sumanā hontu, saha sabbehi ñātibhi.
9. Rājato vā corato vā; manussato vā amanussato vā;
Aggito vā udakato vā; pisācato vā khāṇukato vā;
Kaṇṭakato vā nakkhattato vā;
Janapadarogato vā asaddhammato vā;
Asandiṭṭhito vā asappurisato vā;
Caṇḍa,hatthi,assa,miga,goṇa,
kukkura,ahi,vicchika,maṇisappa,dīpi;
Accha,taraccha,sūkara,mahiṁsa,yakkha,rakkhasādīhi;
Nānābhayato vā nānārogato vā;
Nānā-upaddavato vā ārakkham gaṇhantu.

1. **Maṅgalasutta**

10. Yam maṅgalam dvādasahi, cintayiṁsu sadevakā;
Sotthānam nādhigacchanti, aṭṭhattimśañca maṅgalam.
11. Desitam devadevena, sabbapāpavināsanam;
Sabbalokahitatthāya, maṅgalam tam bhaṇāma he.
12. Evam me sutam:
ekam samayam Bhagavā Sāvatthiyam viharati
Jetavane Anāthapindikassa ārāme.
Atha kho aññatarā devatā
abhikkantāya rattiya abhikkantavaṇṇā
kevalakappam Jetavanam obhāsetvā
yena Bhagavā tenupasaṅkami;
upasaṅkamitvā Bhagavantam abhivādetvā
ekamantam aṭṭhāsi.
Ekamantam ṭhitā kho sā devatā
Bhagavantam gāthāya ajjhabhāsi:
13. Bahū devā manussā ca, maṅgalāni acintayum;
Ākaṅkhamānā sotthānam, brūhi maṅgalamuttamam.
14. Asevanā ca bālānam, paṇḍitānañca sevanā;
Pūjā ca pūjaneyyānam, etam maṅgalamuttamam.
15. Patirūpadesavāso ca, pubbe ca katapuññatā;
Attasammāpaṇidhi ca, etam maṅgalamuttamam.
16. Bāhusaccañca sippañca, vinayo ca susikkhito;
Subhāsitā ca yā vācā, etam maṅgalamuttamam.
17. Mātāpitu upaṭṭhānam, puttadārassa saṅgaho;
Anākulā ca kammantā, etam maṅgalamuttamam.

18. Dānañca dhammadcariyā ca, ñātakānañca saṅgaho;
Anavajjāni kammāni, etam maṅgalamuttamam.
19. Āratī viratī pāpā, majjapānā ca samyamo;
Appamādo ca dhammesu, etam maṅgalamuttamam.
20. Gāravo ca nivāto ca, santutthi ca kataññutā;
Kālena dhammassavanam, etam maṅgalamuttamam.
21. Khantī ca sovacassatā, samañānañca dassanam;
Kālena dhammasākacchā, etam maṅgalamuttamam.
22. Tapo ca brahmamacariyañca, ariyasaccāna dassanam;
Nibbānasacchikiriyā ca, etam maṅgalamuttamam.
23. Phuṭṭhassa lokadhammehi, cittam yassa na kampati;
Asokam virajam khemam, etam maṅgalamuttamam.
24. Etādisāni katvāna, sabbattha maparājitā;
S a b b a t t h a s o t t h i m g a c c h a n t i , t a m t e s a m
maṅgalamuttamam.

Maṅgalasuttam niṭṭhitam.

2.

Ratanasutta

25. Paṇidhānato paṭṭhāya Tathāgatassa;
Dasa pāramiyo dasa upapāramiyo
dasa paramatthapāramiyoti;
samattimṣa pāramiyo, pañca mahāpariccāge;
Lokatthacariyam ñātatthacariyam
buddhatthacariyanti; tisso cariyāyo

pacchimabhave gabbhavokkantim;
 Jātim abhinikkhamanam padhānacariyam
 bodhipallaṅke māravijayam
 sabbaññutaññāṇappaṭivedham
 dhammadakkapavattanam
 nava lokuttaradhammeti;
 Sabbepime Buddhaguṇe āvajjetvā;
 Vesāliyā tīsu pākarantaresu tiyāma rattim
 parittam karonto āyasmā Ānandatthero viya;
 Kāruññacittam upaṭṭhapetvā:

26. Koṭīsatasahassesu, cakkavālesu devatā;
 Yassānam patiggaṇhanti, yañca Vesāliyā pure.
27. Rogāmanussadubbhikkha-sambhūtam tividham bhayam;
 Khippamantaradhāpesi, parittam tam bhañāma he.
28. Yānīdha bhūtāni samāgatāni,
 bhummāni vā yāni va antalikkhe;
 Sabbeva bhūtā sumanā bhavantu,
 athopi sakkacca suṇantu bhāsitam.
29. Tasmā hi bhūtā nisāmetha sabbe,
 mettam karotha mānusiyā pajāya;
 Divā ca ratto ca haranti ye balim,
 tasmā hi ne rakkhatha appamattā.
30. Yam kiñci vittam idha vā huram vā,
 saggesu vā yam ratanam pañītam;
 Na no samañ atthi tathāgatena;
 Idampi Buddhe ratanam pañītam;

- etena saccena suvatthi hotu.
31. Khayam virāgam amataṁ pañītam,
yadajjhagā sakyamunī samāhito;
Na tena dhammena samathhi kiñci;
Idampi dhamme ratanam pañītam;
etena saccena suvatthi hotu.
32. Yam Buddhasettho parivanṇayī sucim,
samādhimānantarikaññamāhu;
Samādhinā tena samo na vijjati;
Idampi dhamme ratanam pañītam;
etena saccena suvatthi hotu.
33. Ye puggalā aṭṭha satam pasatthā,
cattāri etāni Yugāni honti;
Te dakkhiṇeyyā sugatassa sāvakā,
etesu dinnāni mahapphalāni;
Idampi samghe ratanam pañītam,
etena saccena suvatthi hotu.
34. Ye suppayuttā manasā dalhena,
nikkāmino gotamasāsanamhi;
Te pattipattā amataṁ vigayha,
laddhā mudhā nibbutim bhuñjamānā;
Idampi samghe ratanam pañītam,
etena saccena suvatthi hotu.
35. Yathindakhīlo pathavissito siyā,
catubbhi vātehi asampakampiyo;
Tathūpamaṁ sappurisam vadāmi,

yo ariyasaccāni avecca passati;

Idampi samghe ratanam pañītam,
etenā saccena suvatthi hotu.

36. Ye ariyasaccāni vibhāvayanti,
gambhīrapaññena sudesitāni;
Kiñcāpi te honti bhusam pamattā,
na te bhavam aṭṭhamamādiyanti;
Idampi samghe ratanam pañītam,
etenā saccena suvatthi hotu.

37. Sahāvassa dassanasampadāya,
tayassu dhammā jahitā bhavanti;
Sakkāyadiṭṭhī vicikicchitañca,
sīlabbatam vāpi yadatthi kiñci.

38. Catūhapāyehi ca vippamutto,
chaccābhīṭhānāni abhabba kātum;
Idampi samghe ratanam pañītam,
etenā saccena suvatthi hotu.

39. Kiñcāpi so kamma karoti pāpakam,
kāyena vācā uda cetasā vā;
Abhabba so tassa paṭicchadāya,
abhabbatā diṭṭhapadassa vuttā;
Idampi samghe ratanam pañītam,
etenā saccena suvatthi hotu.

40. Vanappagumbe yatha phussitagge,
gimhānamāse paṭhamasmim gimhe;

Tathūpamam̄ dhammavaram̄ adesayi,
nibbānagāmim̄ paramam̄ hitāya;
Idampi Buddhe ratanam̄ pañītam̄,
etenā saccena suvatthi hotu.

41. Varo varaññū varado varāharo,
anuttaro dhammavaram̄ adesayi;
Idampi Buddhe ratanam̄ pañītam̄,
etenā saccena suvatthi hotu.
42. Khīṇam̄ purāṇam̄ nava nattī sambhavam̄,
virattacittāyatike bhavasmim̄;
Te khīṇabījā avirūlhichandā,
nibbanti dhīrā yathāyam̄ padīpo;
Idampi samghe ratanam̄ pañītam̄,
etenā saccena suvatthi hotu.
43. Yānīdha bhūtāni samāgatāni,
bhummāni vā yāni va antalikkhe;
Tathāgataṁ devamanussapūjitaṁ,
Buddham̄ namassāma suvatthi hotu.
44. Yānīdha bhūtāni samāgatāni,
bhummāni vā yāni va antalikkhe;
Tathāgataṁ devamanussapūjitaṁ,
dhammam̄ namassāma suvatthi hotu.
45. Yānīdha bhūtāni samāgatāni,
bhummāni vā yāni va antalikkhe;
Tathāgataṁ devamanussapūjitaṁ,
samgham̄ namassāma suvatthi hotu.

Ratanasuttam̄ niṭṭhitam̄.

3.

Mettāsutta

46. Yassānubhāvato yakkhā, neva dassenti bhīsanam;
Yañhi cevānuyuñjanto, rattindiva matandito.
47. Sukham supatiutto ca, pāpam kiñci na passati;
Evamādiguñūpetam, parittam tam bhañāma he.
48. Karanīyamatthakusalena, yantasantam padam abhisamecca;
Sakko ujū ca suhujū ca, suvaco cassa mudu anatimānī.
49. Santussako ca subharo ca, appakicco ca sallahukavutti;
Santindriyo ca nipako ca, appagabbho kulesvananugiddho.
50. Na ca khuddamācare kiñci, yena viññū pare upavadeyyum;
Sukhinova khemino hontu, sabbasattā bhavantu sukhitattā.
51. Ye keci pāñabhūtatthi, tasā vā thāvarā va navasesā;
Dīghā vā yeva mahantā, majjhimā rassakā anukathulā.
52. Diñthā vā yeva adiñthā, ye va dūre vasanti avidūre;
Bhūtā va sambhavesī va, sabbasattā bhavantu sukhitattā.
53. Na paro param nikubbetha, nātimaññetha katthaci na kiñci;
Byārosanā pañighasañña, nāññamaññassa dukkhamiccheyya.
54. Mātā yathā niyam putta-māyusā ekaputtamanurakkhe;
Evampi sabbabhūtesu, mānasam bhāvaye aparimāṇam.
55. Mettañca sabbalokasmīm, mānasam bhāvaye aparimāṇam;
Uddham adho ca tiriyañca, asambādhām averamasapattam.
56. Tiñthām caram nisinno va, sayāno yāvatāssa vitamiddho;
Etam satim adhitheyya, brahmametam vihāramidhamāhu.
57. Diñthiñca anupaggamma, sīlavā dassanena sampanno;

Kāmesu vineyya gedham, na hi jātuggabbhaseyya puna reti.

Mettāsuttam niṭṭhitam.

4.

Khandhasutta

58. Sabbāsīvisajātīnam, dibbamantāgadām viya;
Yam nāseti visam ghoram, sesañcāpi parissayam.
59. Ānākhettamhi sabbattha, sabbadā sabbapāṇinam;
Sabbasopi nivāreti, parittam tam bhañāma he.
60. Virūpakkhehi me mettam, mettam erāpathehi me;
Chabyāputtehi me mettam, mettam kanhāgotamakehi ca.
61. Apādakehi me mettam, mettam dvipādakehi me;
Catuppadehi me mettam, mettam bahuppadehi me.
62. Mā mam apādako himsi, mā mam himsi dvipādako;
Mā mam catuppado himsi, mā mam himsi bahuppado.
63. Sabbe sattā sabbe pāṇā, sabbe bhūtā ca kevalā;
Sabbe bhadrāni passantu, mā kiñci pāpamāgamā.
64. Appamāṇo Buddho, appamāṇo dhammo,
Appamāṇo samgho, pamāṇavantāni sarīsapāni.
Ahi vicchikā satapadī, uṇṇanābhī sarabū mūsikā;
65. Katā me rakkhā katam me parittam, paṭikkamantu bhūtāni.
Soham namo Bhagavato,
namo sattannam sammāsambuddhānam.

Khandhasuttam niṭṭhitam.

5- Morasutta

66. Pūrentam̄ bodhisambhāre, nibbattam̄ morayoniyam̄;
Yena sam̄vihitārakkham̄, mahāsattam̄ vane carā.
67. Cirassam̄ vāyamantāpi, neva sakkhiṁsu gaṇhitum̄;
Brahmamantanti akkhātam̄, parittam̄ tam̄ bhaṇāma he.
68. Udetayam̄ cakkhumā ekarājā,
harissavaṇṇo pathavippabhāso;
Tam̄ tam̄ namassāmi
harissavaṇṇam̄ pathavippabhāsam̄,
Tayājja guttā viharemu divasam̄.
69. Ye brāhmaṇā vedagū sabbadhamme,
te me namo te ca mam̄ pālayantu;
Namatthu Buddhānam̄ namatthu bodhiyā,
namo vimuttānam̄ namo vimuttiyā;
Imam̄ so parittam̄ katvā, moro carati esanā.
70. Apetayam̄ cakkhumā ekarājā,
harissavaṇṇo pathavippabhāso;
Tam̄ tam̄ namassāmi
harissavaṇṇam̄ pathavippabhāsam̄,
Tayājja guttā viharemu rattim̄.
71. Ye brāhmaṇā vedagū sabbadhamme,
te me namo te ca mam̄ pālayantu;
Namatthu Buddhānam̄ namatthu bodhiyā,
namo vimuttānam̄ namo vimuttiyā;
Imam̄ so parittam̄ katvā, moro vāsamakappayi.

Morasuttam̄ niṭṭhitam̄.

5.

Vaṭṭasutta

72. Pūrentam bodhisambhāre, nibbattam vaṭṭajātiyam;
Yassa tejena dāvaggi, mahāsattam vivajjayi.

73. Therassa Sāriputtassa, lokanāthena bhāsitam;
Kappaṭṭhāyim mahātejam, parittam tam bhañāma he.

74. Atthi loke sīlaguṇo, saccam soceyyanuddayā;
Tena saccena kāhāmi, saccakiriyamuttamam.

75. Āvajjetvā dhammabalam, saritvā pubbake jine;
Saccabalamavassāya, saccakiriyamakāsaham.

76. Santi pakkhā apatanā, santi pādā avañcanā;
Mātāpitā ca nikkhantā, jātaveda paṭikkama.

77. Sahasacce kate mayham, mahāpajjalito sikhī;
Vajjesi sołasakarīsāni, udakam patvā yathā sikhī;
Saccena me samo natthi, esā me saccapāramī.

Vaṭṭasuttam nitṭhitam.

7- Dhajaggasutta

78. Yassānussaranenāpi, antalikkhepi pāñino;
Patiṭṭhamadhicchanti, bhūmiyam viya sabbathā.

79. Sabbupaddavajālamhā, yakkhacorādisambhāva;
Gaṇanā na ca muttānam, parittam tam bhañāma he.

80. Evam me sutam:
Ekam samayam Bhagavā Sāvatthiyam viharati;

Jetavane Anāthapiṇḍikassa ārame;

81. Tatra kho Bhagavā bhikkhū āmantesi: “bhikkhavo”ti.
“Bhadante”ti te bhikkhū Bhagavato paccassosum.
Bhagavā etadavoca: Bhūtapubbam, bhikkhave,
devāsurasaṅgāmo samupabyūļho ahosi.

Atha kho, bhikkhave, sakko devānamindo
deve tāvatiṁse āmantesi:
Sace, mārisā, devānaṁ saṅgāmagatānaṁ uppajjeyya;
bhayaṁ vā chambhitattam vā lomahamso vā;
mameva tasmīm samaye dhajaggam ullokeyyātha.
Mamañhi vo dhajaggam ullokayataṁ;
yam bhavissati bhayaṁ vā chambhitattam vā
lomahamso vā, so pahīyissati.

82. No ce me dhajaggam ullokeyyātha;
atha pajāpatissa devarājassa dhajaggam ullokeyyātha.
Pajāpatissa hi vo devarājassa dhajaggam ullokayataṁ;
yam bhavissati bhayaṁ vā chambhitattam vā
lomahamso vā, so pahīyissati.
83. No ce pajāpatissa devarājassa dhajaggam ullokeyyātha;
atha varuṇassa devarājassa dhajaggam ullokeyyātha.
Varuṇassa hi vo devarājassa dhajaggam ullokayataṁ
yam bhavissati bhayaṁ vā chambhitattam vā
lomahamso vā, so pahīyissati.
84. No ce varuṇassa devarājassa dhajaggam ullokeyyātha;
atha īśānassa devarājassa dhajaggam ullokeyyātha.
Īśānassa hi vo devarājassa dhajaggam ullokayataṁ;
yam bhavissati bhayaṁ vā chambhitattam vā
lomahamso vā, so pahīyissatīti.
85. Tam kho pana, bhikkhave,
sakkassa vā devānamindassa dhajaggam ullokayataṁ;
Pajāpatissa vā devarājassa dhajaggam ullokayataṁ;
Varuṇassa vā devarājassa dhajaggam ullokayataṁ;

Īsānassa vā devarājassa dhajaggam ullokayatam;
yam bhavissati bhayam vā chambhitattam vā
lomahamso vā, so pahīyethāpi nopi pahīyetha.

86. Tam kissa hetu?

Sakko hi, bhikkhave, devānamindo;
avītarāgo avītadoso avītamoho;
bhīru chambhī utrāsī palāyīti.

87. Ahañca kho, bhikkhave, evam vadāmi:

sace tumhākam, bhikkhave;
araññagatānam vā rukkhamūlagatānam vā
suññāgāragatānam vā; uppajjeyya
bhayam vā chambhitattam vā lomahamso vā;
mameva tasmim samaye anussareyyātha:

88. ‘Itipi so Bhagavā arahañ sammāsambuddho;
vijācaraṇasampanno sugato lokavidū;
anuttaro purisadammasārathi;
satthā devamanussānam Buddho Bhagavā’ti.

89. Mamañhi vo, bhikkhave, anussarataṁ;
yam bhavissati bhayam vā chambhitattam vā
lomahamso vā, so pahīyissati.

90. No ce mañ anussareyyātha;
atha dhammañ anussareyyātha:

91. ‘Svākkhāto Bhagavatā dhammo;
sanditthiko akāliko ehipassiko;
opaneyyiko paccattam veditabbo viññūhī’ti.

92. Dhammañhi vo, bhikkhave, anussarataṁ;
yam bhavissati bhayam vā chambhitattam vā

- lomahamso vā, so pahīyissati.
93. No ce dhammam anussareyyātha,
atha samgham anussareyyātha:
94. ‘Suppaṭippanno Bhagavato sāvakasamgho;
Ujuppaṭippanno Bhagavato sāvakasamgho;
Ñāyappaṭippanno Bhagavato sāvakasamgho;
Sāmīcippaṭippanno Bhagavato sāvakasamgho;
yadidam cattāri purisayugāni aṭṭha purisapuggalā;
esa Bhagavato sāvakasamgho;
āhuneyyo pāhuneyyo dakkhiṇeyyo;
añjalikaraṇīyo anuttaram puññakkhettam lokassā’ti.
95. Samghañhi vo, bhikkhave, anussarataṁ
yam bhavissati bhayam vā chambhitattam vā
lomahamso vā, so pahīyissati.
96. Tam kissa hetu? Tathāgato hi, bhikkhave,
Araham sammāsambuddho;
vītarāgo vītadoso vītamoho;
abhīru acchambhī anutrāsī apalāyīti.
97. Idamavoca Bhagavā. Idam vatvāna sugato
athāparam etadavoca satthā:
98. Araññe rukkhamūle vā, suññāgāreva bhikkhavo;
Anussaretha sambuddham, bhayam tumhāka no siyā.
99. No ce Buddham sareyyātha, lokajetṭham narāsabham;
Atha dhammam sareyyātha, niyyānikam sudesitam.
100. No ce dhammam sareyyātha, niyyānikam sudesitam;
Atha samgham sareyyātha, puññakkhettam anuttaram.

101. Evam Buddham sarantānam,
dhammam samghañca bhikkhavo;
Bhayam vā chambhitattam vā,
lomahamso na hessati.

Dhajaggasuttam niṭṭhitam.

8- Āṭanātiyasutta

102. Appasannehi nāthassa, sāsane sādhusammate;
Amanussehi cañdehi, sadā kibbisakāribhi.
103. Parisānam catassannam, ahimsāya ca guttiyā;
Yam deseti mahāvīro, parittam tam bhañāma he.
104. Vipassissa ca namatthu, cakkhumantassa sirīmato.
Sikhissapi ca namatthu, sabbabhūtānukampino.
105. Vessabhussa ca namatthu, nhātakassa tapassino;
Namatthu Kakusandhassa, mārasenāpamaddino.
106. Koñāgamanassa namatthu, brāhmaṇassa vusīmato;
Kassapassa ca namatthu, vippamuttassa sabbadhi.
107. Aṅgīrasassa namatthu, Sakyaputtassa sirīmato;
Yo imam dhammam desesi, sabbadukkhāpanūdanam.
108. Ye cāpi nibbutā loke, yathābhūtam vipassisum;
Te janā apisunātha, mahantā vītasāradā.
109. Hitam devamanussānam, Yam namassanti Gotamam;
Vijjācaranāsampannam, mahantam vītasāradam.
110. Ete caññe ca sambuddhā, anekasatakoṭiyo;
Sabbe Buddhā samasamā, sabbe Buddhā mahiddhikā.
111. Sabbe dasabalūpetā, vesārajjeupāgatā;
Sabbe te paṭijānanti, āsabham ṭhāna-muttamam.
112. Sīhanādam nadantete, parisāsu visāradā;

- Brahmacakkam pavattenti, loke appaṭivattiyam.
113. Upetā Buddhadhammehi, atṭhārasahi nāyakā;
Bāttim̄salakkhaṇūpetā-sītānubyāñjanādharā.
114. Byāmappabhāya suppabhā, sabbe te munikuñjarā;
Buddhā sabbaññuno ete, sabbe khīñāsavā jinā.
115. Mahāpabhā mahātejā, mahāpaññā mahabbalā;
Mahākāruṇikā dhīrā, sabbesānam sukhāvahā.
116. Dīpā nāthā patiṭṭhā ca, tāṇā lenā ca pāṇinam;
Gatī bandhū mahessāsā, saraṇā ca hitesino.
117. Sadevakassa lokassa, sabbe ete parāyaṇā;
Tesāham̄ sirasā pāde, vandāmi purisuttame.
118. Vacasā manasā ceva, vandāme-te tathāgate;
Sayane āsane ṭhāne, gamane cāpi sabbadā.
119. Sadā sukhena rakkhantu, Buddhā santikarā tuvam;
Tehi tvam̄ rakkhito santo, mutto sabbabayehi ca.
120. Sabbarogā vinīmutto, sabbasantāpavajjito;
Sabbaveramatikkanto, nibbuto ca tuvam bhava.
121. Tesam̄ saccena sīlena, khantīmettābalena ca;
Tepi amhenurakkhantu, arogena sukhena ca.
122. Puratthimasmim̄ disābhāge, santi bhūtā mahiddhikā;
Tepi amhenurakkhantu, arogena sukhena ca.
123. Dakkhinasmim̄ disābhāge, santi devā mahiddhikā;
Tepi amhenurakkhantu, arogena sukhena ca.
124. Pacchimasmim̄ disābhāge, santi nāgā mahiddhikā;
Tepi amhenurakkhantu, arogena sukhena ca.
125. Uttarasmim̄ disābhāge, santi yakkhā mahiddhikā;
Tepi amhenurakkhantu, arogena sukhena ca.

126. Puratthimena Dhataratṭho, dakkhiṇēna Viruḷhako;
Pacchimena Virūpakkho, Kuvero uttaram disam.
127. Cattāro te mahārājā, lokapālā yasassino;
Tepi amhenurakkhantu, arogena sukhena ca.
128. Ākāsaṭṭhā ca bhūmaṭṭhā, devā nāgā mahiddhikā;
Tepi amhenurakkhantu, arogena sukhena ca.
129. Iddhimanto ca ye devā, vasantā idha sāsane;
Tepi amhenurakkhantu, arogena sukhena ca.
130. Sabbītiyo vivajjantu, soko rogo vinassatu;
Mā te bhavantvantarāyā, sukhī dīghāyuko bhava.
131. Abhivādanasīlissa, niccam vuḍḍhāpacāyino;
Cattāro dhammā vadḍhanti, āyu vanṇo sukham balam.
Āṭānāṭiyasuttam niṭṭhitam.

9. Aṅgulimālasutta

132. Parittam yam bhaṇtantassa, nisinnatṭhānadhoveranam;
Udakampi vināseti, sabbameva parissayam.
133. Sotthinā gabbhavutṭhānam, yañca sādheti tañkhaṇe;
Therassaṅgulimālassa, lokanāthena bhāsitam;
Kappaṭṭhāyim mahātejam, parittam tam bhaṇāma he.
134. Yato-ham bhagini ariyāya jātiyā jāto;
nābhijānāmi sañcicca pāṇam jīvitā voropetā;
Tena saccena sotthi te hotu sotthi gabbhassa.

Aṅgulimālasuttam niṭṭhitam

10. Bojjhaṅgasutta

135. Saṃsāre saṃsarantānam, sabbadukkhavināsane;
Satta dhamme ca bojjhaṅge, mārasenāpamaddane.

136. Bujjhitvā ye cime sattā, tibhavā muttakuttamā;
Ajātimajarābyādhim, amataṁ nibbhayam gatā.
137. Evamādiguṇūpetam, anekaguṇasaṅgaham;
Osadhañca imam mantam, bojjhaṅgañca bhaṇāma he!
138. Bojjhaṅgo satisaṅkhāto, dhammānam vicayo tathā;
Vīriyam pīti passaddhi, bojjhaṅgā ca tathāpare.
139. Samādhuhupekkhā bojjhaṅgā, sattete sabbadassinā;
Muninā sammadakkhātā, bhāvitā bahulīkatā.
140. Samvattanti abhiññāya, nibbānāya ca bodhiyā;
Etena saccavajjena, sotthi te hotu sabbadā.
141. Ekasmim samaye Nātho, Moggallānañca Kassapam;
Gilāne dukkhite disvā, bojjhaṅge sattadesayi.
142. Te ca tam abhinanditvā, rogā muccim̄su tañkhanę;
Etena saccavajjena, sotthi te hotu sabbadā.
143. Ekadā Dhammarājā pi, gelaññenābhipīlito;
Cundatherena tamyeva, bhaṇāpetvāna sādaram.
144. Sammoditvāna ābādhā, tamhā vutṭhāsi ṭhānaso;
Etena saccavajjena, sotthi te hotu sabbadā.
145. Pahīnā te ca ābādhā, tiṇṇannampi mahesinam;
Maggahatā kilesāva, pattānuppattidhammadatam;
Etena saccavajjena, sotthi te hotu sabbadā.
Bojjhaṅgasuttam niṭṭhitam.

11. Pubbañhasutta

146. Yam dunnimittam avamaṅgalañca,
yo cāmanāpo sakuṇassa saddo;

- Pāpaggaho dussupinam akantam,
Buddhānubhāvena vināsamentu.
147. Yam dunnimittam avamaṅgalañca,
yo cāmanāpo sakuṇassa saddo;
Pāpaggaho dussupinam akantam,
Dhammānubhāvena vināsamentu.
148. Yam dunnimittam avamaṅgalañca,
yo cāmanāpo sakuṇassa saddo;
Pāpaggaho dussupinam akantam,
Saṅghānubhāvena vināsamentu.
149. Dukkhappattā ca niddukkhā, bhayappattā ca nibbhayā;
Sokappattā ca nissokā, hontu sabbepi pāṇino.
150. Ettāvatā ca amhehi, sambhataṁ puññasampadam;
Sabbe devānumodantu, sabbasampattisiddhiyā.
151. Dānam dadantu saddhāya, sīlam rakkhantu sabbadā;
Bhāvanābhiratā hontu, gacchantu devatāgatā.
152. Sabbe Buddhā balappattā, Paccekānañca yam balam;
Arahantānañca tejena, rakkham bandhāmi sabbaso.
153. Yam kiñci vittam idha vā huram vā,
saggesu vā yam ratanam pañītam;
Na no samam atthi tathāgatena;
Idampi Buddhe ratanam pañītam;
etena saccena suvatthi hotu.
154. Yam kiñci vittam idha vā huram vā,
saggesu vā yam ratanam pañītam;
Na no samam atthi tathāgatena;
Idampi Dhamme ratanam pañītam;

- etena saccena suvatthi hotu.
155. Yam kiñci vittam idha vā huram vā,
saggesu vā yam ratanam pañītam;
Na no samam atthi tathāgatena;
Idampi Samghe ratanam pañītam;
etena saccena suvatthi hotu.
156. Bhavatu sabbamañgalam, rakkhantu sabbadevatā;
Sabbabuddhānubhāvena, sadā sukhī bhavantu te.
157. Bhavatu sabbamañgalam, rakkhantu sabbadevatā;
Sabbadhammānubhāvena, sadā sukhī bhavantu te.
158. Bhavatu sabbamañgalam, rakkhantu sabbadevatā;
Sabbasamghānubhāvena, sadā sukhī bhavantu te.
159. Mahākāruṇiko nātho, hitāya sabbapāṇinam;
Pūretvā pāramī sabbā, patto sambodhimuttamam;
Etena saccavajjena, sotthi te hotu sabbadā.
160. Jayanto bodhiyā mūle, sakyānam nandivadḍhano;
Evameva jayo hotu, jayassu jayamañgalam.
161. Aparājitapallaṅke, sīse puthuvipukkhale;
Abhiseke sabbabuddhānam, aggappatto pamodati.
162. Sunakkhattam sumaṅgalam, suppabhātam suhuṭṭhitam;
Sukhaṇo sumuhutto ca, suyiṭṭham brahmacārisu.
163. Padakkhiṇam kāyakammam, vācākammam padakkhiṇam;
Padakkhiṇam manokammam, pañīdhi te padakkhiṇe.
164. Padakkhiṇāni katvāna, labhantatthe padakkhiṇe.
Te athaladdhā sukhitā, viruḷhā Buddhasāsane;

Arogā sukhitā hotha, saha sabbehi ñātibhi.

Pubbanhasuttam niṭṭhitam.

NGUYỆN CÚNG DƯỜNG TAM BẢO

Imāya dhammānudhammapaṭipattiyā Buddham pūjemi. (Lạy)

Imāya dhammānudhammapaṭipattiyā Dhammam pūjemi. (Lạy)

Imāya dhammānudhammapaṭipattiyā Samgham pūjemi. (Lạy)

Addhā imāya paṭipattiyā jātijarābyādhimaraṇamhā parimuccissāmi.

LỜI PHÁT NGUYỆN

Idam me puññam nibbānassa paccayo hotu.

Idam me puññam āsavakkhayāvaham hotu.

CHIA PHUỐC, HỒI HƯỚNG

Imam me puññabhāgām sabbe sattā samam paṭilabhantu.

Imam me puññabhāgām mātāpitu-ācariya-ñāti-mittānañceva sesasabbasattānañca devatānañca ārakkha-devatānañca visesato guṇavantānañca dema sabbepi te puññapattim laddhāna sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbadhā.

NGUYỆN UỐC

Buddhasāsanam ciram tiṭṭhatu.

Sādhu! Sādhu! Sādhu!